

Số 349/TTTr-STNMT

Điện Biên, ngày 02 tháng 12 năm 2019

TỜ TRÌNH

Đề nghị thẩm định Phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Trụ sở Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Điện Biên, tại phường Noong Bua, Thành phố Điện Biên Phủ

Kính gửi: Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 1 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Tiếp theo Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng Trụ sở làm việc Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Điện Biên; Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Trụ sở làm việc Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Điện Biên;

Sở Tài nguyên và Môi trường trình Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh thẩm định giá đất cụ thể như sau:

- Đất ở tại đô thị: Đường bê tông từ 3m đến dưới 5m, vị trí 1: 2.500.000 đồng/m²;

- Đất nông nghiệp:

+ Đất bằng trồng cây hàng năm khác, vị trí 1: 72.000 đồng/m²;

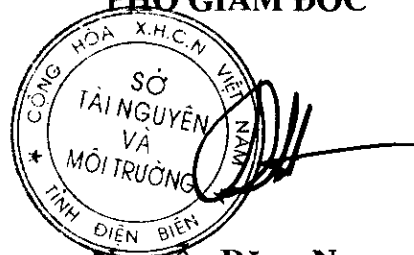
+ Đất trồng cây lâu năm, vị trí 1: 84.000 đồng/m².

Đề nghị Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo sở;
- Lưu: VT, CCQLĐB, TTPTQĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đăng Nam

Điện Biên, ngày tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO THUYẾT MINH

Phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Trụ sở Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Điện Biên, tại phường Noong Bua, Thành phố Điện Biên Phủ

(Kèm theo tờ trình số 349/TTr-STNMT ngày 02 tháng 12 năm 2019 của STNMT)

1. Các căn cứ xác định giá đất:

Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; các Thông tư hướng dẫn Nghị định của chính phủ có liên quan; Thông tư liên tịch số 87/2016/TTLT-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, thẩm định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất;

Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng Trụ sở làm việc Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Điện Biên;

Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Trụ sở làm việc Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Điện Biên;

Báo cáo số 92/BC-TTPTQĐ ngày 18/11/2019 của Trung tâm phát triển quỹ đất.

2. Mục đích định giá đất và các thông tin về thửa đất cần định giá.

2.1. Mục đích định giá đất cụ thể: Xác định giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

2.2. Thông tin về các thửa đất cần định giá và tính pháp lý.

a) Thông tin về các thửa đất cần xác định giá:

- Các thửa đất xác định giá cụ thể nằm trên địa bàn phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ, thuộc mảnh chính lý địa chính số 22 - 2019 do Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Hải Anh tỉnh Điện Biên thực hiện ngày 14 tháng 5 năm 2019 và được sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 20 tháng 5 năm 2019;

- Nhu cầu sử dụng đất của dự án là: 1.605,4m² gồm 07 thửa, cụ thể như sau:

Tổng số thửa đất cần xác định giá: 04 thửa, chia ra các loại đất:

+ Đất ở tại đô thị (ODT): 02 thửa;

+ Đất ở tại đô thị + đất trồng cây lâu năm (ODT + CLN): 01 thửa;

+ Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK, HNK): 01 thửa;

- Vị trí của các thửa đất là vị trí 1.

b) Tính pháp lý của thửa đất cần định giá.

Các thửa đất cần thu hồi để thực hiện dự án do các hộ gia đình, cá nhân đang được trực tiếp sử dụng ổn định, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của của thành phố.

3. Đánh giá tình hình và kết quả điều tra, tổng hợp thông tin về giá đất thị trường.

3.1. Kết quả điều tra:

Tổng số phiếu điều tra đối với 03 loại đất là 09 phiếu trong đó:

- Đất ở tại đô thị (ODT), vị trí 1: Điều tra 3 phiếu;

- Đất bằng trồng cây hàng năm (bao gồm đất HNK và BHK), vị trí 1: Điều tra 3 phiếu;

- Đất trồng cây lâu năm (CLN), vị trí 1: Điều tra 03 phiếu.

3.3. Tổng hợp thông tin:

a) Đối với đất ở tại đô thị:

Thu thập được các giao dịch chuyển nhượng thành công trên thị trường như sau:

STT	Người chuyển nhượng	Người nhận chuyển nhượng	Diện tích (m ²)	Số tiền chuyển nhượng trong hợp đồng (Đồng)	Số tiền chuyển nhượng điều tra thực tế (Đồng)	Thời điểm chuyển nhượng
-----	---------------------	--------------------------	-----------------------------	---------------------------------------------	-----------------------------------------------	-------------------------

1	Nguyễn Thị Lành	Lê Văn Dũng	58,1	50.000.000	170.000.000	11/2018
2	Vũ Thị Phương	Đỗ Duy Tuấn	75,0	75.000.000	200.000.000	1/2019
3	Phạm Trường Sinh	Trần Thị Lan	96,0	100.000.000	242.000.000	11/2018

b) Đối với đất nông nghiệp:

Căn cứ chi phí đầu tư vào đất, năng suất bình quân của cây trồng, vật nuôi giá bán bình quân các sản phẩm trên thị trường so với lãi suất tiền gửi bình quân một năm tính đến thời điểm định giá đất của loại tiền gửi (VNĐ) kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng thương mại nhà nước là 6,7% thời gian thu nhập thông tin trong 03 năm liên tục;

Qua điều tra, khảo sát đã thu thập được các thông tin liên quan đến đất nông nghiệp như sau:

- Năng suất bình quân của rau cải bắp trồng trên đất bằng trồng cây hàng năm khác là 62 tạ/ha; Giá bán bình quân trên thị trường là 11.000 đồng/kg; Chi phí bình quân là 2.009.333 đồng/1000m²;

- Năng suất bình quân của cây nhãn trồng trên đất trồng cây lâu năm là 64 tạ/ha; Giá bán bình quân trên thị trường là 14.000 đồng/kg; Chi phí bình quân là 3.225.800 đồng/1000m².

4. Áp dụng phương pháp định giá đất.

- Đối với đất ở tại đô thị: Áp dụng phương pháp so sánh trực tiếp.
- Đối với đất nông nghiệp: Áp dụng theo phương pháp thu nhập.

5. Kết quả xác định giá đất và đề xuất phương án giá đất cụ thể.

a) Kết quả xác định giá đất:

*** Đối với đất ở tại đô thị:**

Xác định giá đất của đường bê tông từ 3m đến dưới 5m phường Noong Bua, vị trí 1

Khảo sát thị trường thu thập được các thông tin như sau:

Thửa đất cần định giá A là thửa đất số 6, tờ bản đồ số 1 (Mảnh chính lý địa chính số 22-2019), phường Noong Bua, vị trí 1 đường bê tông có bề rộng mặt cắt đường là 4,0m;

Thửa đất so sánh B là thửa đất số 131, tờ bản đồ số 28, bản Him Lam 2, phường Him Lam, đường BT 3 m vị trí 1;

Thửa đất so sánh C là thửa đất 127, tờ bản đồ số 44, bản Hồng Lúu, phường Noong Bua, đường BT 2,8 m, vị trí 1;

Thửa đất so sánh D là thửa đất số 37, tờ bản đồ số 43, bản Hồng Lúu, phường Noong Bua, đường BT 4 m, vị trí 1;

TT	ĐẶC ĐIỂM BĐS	Thửa đất cần định giá A	Thửa đất SS B	Thửa đất SS C	Thửa đất SS D
1	Địa chỉ	Thửa 6 - TĐĐ số 1	Tổ 21, p. Him Lam, tp. Điện Biên, tỉnh Điện Biên	Tổ 21, p. Him Lam, tp. Điện Biên, tỉnh Điện Biên	Tổ 5, p. Him Lam, tp. Điện Biên, tỉnh Điện Biên
2	Nguồn tin	Nguyễn Thị Minh Anh - Bản Noong Bua	Lê Văn Dũng	Đỗ Duy Tuấn	Trần Thị Lan
3	Mục đích sử dụng	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị
4	Vị trí	Xa chợ, trường học, bệnh viện. Tập trung đông dân cư.	Gần trường học, chợ, xa bệnh viện. Tập trung đông dân cư	Gần trường học, chợ, xa bệnh viện. Tập trung đông dân cư	Gần trường học, chợ, bệnh viện. Tập trung đông dân cư
5	Giao thông	Đường bê tông có bề rộng mặt cắt đường 4,0m	Đường bê tông 3 m	Đường bê tông 2,8 m	Đường bê tông 4 m
6	Thời điểm trúng đấu giá		Tháng 11 năm 2018	Tháng 1 năm 2019	Tháng 11 năm 2018
7	Diện tích, kích thước				
	Diện tích đất (m ²)	100	58,10	75,00	80,00
	Mặt tiền (m)	5	4,20	4,65	4,00
	Chiều sâu (m)	20	13,83	16,13	20,00
8	Tài sản trên đất		Không có	Không có	Không có
9	Tình trạng pháp lý về quyền sử dụng đất	Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

	Các yếu tố hạ tầng				
10	Điện, cấp thoát nước sinh hoạt – nước thải, hệ thống thông tin liên lạc	Bình thường	Bình Thường	Bình Thường	Bình Thường
11	Giá trị thửa đất tại thời chuyển nhượng (đồng)	<i>Cần xác định</i>	170.000.000	200.000.000	240.160.000
12	Giá đất tại thời điểm chuyển nhượng (đồng/m²)	<i>Cần xác định</i>	2.925.990	2.666.667	3.002.000

- Điều chỉnh mức giá do các yếu tố khác biệt của các thửa đất so sánh với thửa đất cần định giá:

+ So sánh về yếu tố vị trí:

Thửa đất A (Xa chợ, trường học, bệnh viện, tập trung đông dân cư) kém 3 thửa đất SS B, C, D (Gần trường học, chợ, xa bệnh viện, tập trung đông dân cư) là 20%;

Nếu coi yếu tố vị trí của thửa đất A là 100% thì các thửa đất so sánh B, C, D là 120%;

Tỷ lệ điều chỉnh của 3 thửa đất so sánh B, C, D là:

$$\frac{100\% - 120\%}{120\%} = -16,67\%$$

+ So sánh về yếu tố giao thông: Thửa đất A bằng thửa đất D (Tiếp giáp mặt đường bê tông 4,0m) hơn thửa đất so sánh B (Tiếp giáp mặt đường bê tông có bề rộng mặt cắt đường 3m) là 5%, hơn thửa so sánh C (Tiếp giáp đường bê tông có bề rộng mặt cắt đường 2,8 m) là 10%;

Nếu coi yếu tố giao thông của thửa đất A là 100% thì các thửa đất so sánh B, C, D lần lượt là 95%, 90%, 100%;

Tỷ lệ điều chỉnh của 2 thửa đất so sánh B là:

$$\frac{100\% - 95\%}{95\%} = 5,26\%$$

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất so sánh C là:

$$\frac{100\% - 90\%}{90\%} = 11,11\%$$

+ So sánh về yếu tố diện tích, kích thước:

Thửa đất cần định giá A (có kích thước mặt tiền 5m) hơn thửa đất so sánh B (Có kích thước mặt tiền 4,2m) là 2%; hơn thửa đất so sánh C (Có kích thước mặt tiền 4,65m) là 1%, hơn thửa đất so sánh D (Có kích thước mặt tiền 4,0m) là 3%;

Thửa đất cần định giá A bằng thửa đất so sánh D (Có chiều sâu là 20m); kém thửa đất so sánh B (Có chiều sâu 13,83m) là 7%, kém thửa đất so sánh C (Có chiều sâu 16,13m) là 4%;

Nếu coi thửa đất cần định giá A là 100% thì các thửa đất so sánh B, C, D sẽ lần lượt là: 105%; 103%; 97%:

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất so sánh B là: $\frac{100\% - 105\%}{105\%} = -4,76\%$;

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất so sánh C là: $\frac{100\% - 103\%}{103\%} = -2,91\%$;

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất so sánh D là: $\frac{100\% - 97\%}{97\%} = 3,09\%$;

Bảng so sánh và điều chỉnh số liệu chi tiết:

TT	YẾU TỐ SO SÁNH	Thửa đất cần định giá A	Thửa đất SS B	Thửa đất SS C	Thửa đất SS D
1	Diện tích (m ²)		58,1	75,00	80,00
2	Giá trị thửa đất đưa về thời điểm xác định giá tháng 10/2019 (đồng)	<i>Cần xác định</i>	170.000.000	200.000.000	240.160.000

3	Giá đất chuyên nhượng đưa về thời điểm xác định giá tháng 10/2019 (đồng/m²)	<i>Cần xác định</i>	2.925.990	2.666.667	3.002.000
4	Điều chỉnh các yếu tố so sánh				
4.1	Vị trí	Xa chợ, trường học, bệnh viện. Tập trung đông dân cư.	Gần trường học, chợ, xa bệnh viện. Tập trung đông dân cư	Gần trường học, chợ, xa bệnh viện. Tập trung đông dân cư	Gần trường học, chợ, bệnh viện. Tập trung đông dân cư
	Tỷ lệ	100%	120%	120%	120%
	<i>Tỷ lệ điều chỉnh (%)</i>		-16,67%	-16,67%	-16,67%
	<i>Mức điều chỉnh (đồng/m²)</i>		-487.665	-444.444	-500.333
4.2	Giao thông	Đường bê tông có bề rộng mặt cắt đường 4 m	Đường bê tông 3 m	Đường bê tông 2,8 m	Đường bê tông 4 m
	Tỷ lệ	100%	95%	90%	100%
	<i>Tỷ lệ điều chỉnh (%)</i>		5,26%	11,11%	0,00%
	<i>Mức điều chỉnh (đồng/m²)</i>		153.999	296.296	0
4.3	Diện tích, kích thước				
	Mặt tiền (m)	5,00	4,20	4,65	4,00
	Chiều sâu (m)	20,00	13,83	16,13	20,00
	Tỷ lệ	100%	105%	103%	97%
4.4	<i>Tỷ lệ điều chỉnh (%)</i>		-4,76%	-2,91%	3,09%
	<i>Mức điều chỉnh (đồng/m²)</i>		-139.333	-77.670	92.845

Yếu tố hạ tầng				
Điện, cấp thoát nước sinh hoạt - nước thải, hệ thống thông tin liên lạc	Bình thường	Bình Thường	Bình Thường	Bình Thường
Tỷ lệ	100%	100%	100%	100%
Tỷ lệ điều chỉnh (%)		0,00%	0,00%	0,00%
Mức điều chỉnh (đồng/m ²)		0	0	0
Giá đất ước tính của thửa đất cần định giá theo từng thửa đất so sánh (đồng/m²)	2.496.117	2.452.991	2.440.849	2.594.512
Tỷ lệ điều chỉnh chung (%)		1,76%	2,26%	-3,79%
Giá đất lấy tròn	2.500.000			

Giá đất của thửa đất A bảo đảm chênh lệch với các giá đất ước tính không quá 10%.

Kết luận: Giá đất cụ thể của thửa đất cần định giá A là 2.500.000 đồng/m².

b) Đối với đất nông nghiệp: Bằng phương pháp thu nhập xác định được giá đất nông nghiệp gồm (đất bằng trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm)

* So sánh giá đất điều tra với giá đất tại Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên như sau:

STT	Loại đất	Giá đất cụ thể (1.000 đồng/m ²)	Giá đất của UBND tỉnh quy định (1.000 đồng/m ²)	So sánh (%)
1	Đất ở tại đô thị, đường bê tông từ 3m đến dưới 5m, vị trí 1	2.500	1.520	164
2	Đất bằng trồng cây hàng năm khác, vị trí 1	72	58	124
3	Đất trồng cây lâu năm, vị trí 1	84	68	124

b) Đề xuất phương án giá đất cụ thể.

- Đất ở tại đô thị: Đường bê tông từ 3m đến dưới 5m, vị trí 1: 2.500.000 đồng/m²;

- Đất nông nghiệp:

+ Đất bằng trồng cây hàng năm khác, vị trí 1: 72.000 đồng/m²;

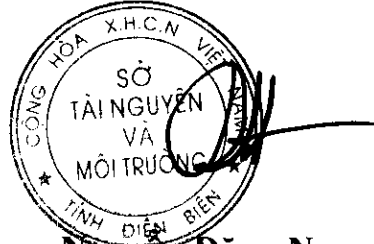
+ Đất trồng cây lâu năm, vị trí 1: 84.000 đồng/m².

6. Đánh giá tác động về kinh tế - xã hội của phương án giá đất

Giá đất cụ thể đề nghị tương đối phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương nơi có đất bị thu hồi, đảm bảo hài hòa lợi ích của người sử dụng đất, nhà nước và nhà đầu tư.

Sở Tài nguyên và Môi trường trình Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh./

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đăng Nam

Số: /QĐ-UBND

Điện Biên, ngày tháng 12 năm 2019

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt giá đất cụ thể cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Trụ sở Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Điện Biên, tại phường Noong Bua, Thành phố Điện Biên Phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 1 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Thông tư số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, thẩm định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất;

Tiếp theo Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng Trụ sở làm việc Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Điện Biên; Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Trụ sở làm việc Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Điện Biên;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-STNMT ngày tháng 11 năm 2019 và Thông báo số /TB-HĐTĐGD ngày tháng 11 năm 2019 của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Trụ sở Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Điện Biên, tại phường Noong Bua, Thành phố Điện Biên Phủ, như sau:

- Đất ở tại đô thị: Đường bê tông từ 3m đến dưới 5m, vị trí 1: 2.500.000 đồng/m²;

- Đất nông nghiệp:

+ Đất bằng trồng cây hàng năm khác, vị trí 1: 72.000 đồng/m²;

+ Đất trồng cây lâu năm, vị trí 1: 84.000 đồng/m².

Điều 2: Căn cứ giá đất cụ thể được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này UBND thành phố Điện Biên Phủ có trách nhiệm phối hợp với các sở ngành, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lãnh đạo UBND tỉnh;

- Lưu: VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**